TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/DS-ST
Ngày 29-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Từ Anh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 454/2023/TLST-DS ngày 18/10/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 80/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng); Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991; địa chỉ: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2023). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Lê N, sinh năm 1988; HKTT: Số F, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 15/03/2019, bà N có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/03/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 55.000.000

đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể loại thẻ: Thẻ Visa; Số thẻ: 436438-7156; Hạn mức 55.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng 15/03/2019; Lãi suất áp dụng 2.4%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.047.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau theo quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Bà N phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.108.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/11/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 61.981.005 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 29/03/2024, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 179.942.927 đồng gồm: Nợ gốc 61.981.005 đồng; Lãi quá hạn 117.961.922 đồng (Lãi suất áp dụng 3.6% (2.4% x 150%)).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu nhưng bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Trần Lê N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/03/2024 là 179.942.927 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc: 61.981.005 đồng; Lãi quá hạn: 117.961.922 đồng.

- Đồng thời, bà Trần Lê N phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/3/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

* *Đối với bị đơn bà Trần Lê N*: Quá trình tố tụng, bà Trần Lê N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Lê N thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay thông qua sử dụng thẻ Visa; Số thẻ: 436438-7156 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn bà Trần Lê N có hộ khẩu thường trú tại số F, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa các ngày 25/3/2024 và 29/3/2024 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Trần Lê N phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ cở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 15/03/2019, bà N ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 436438-7156; Hạn mức 55.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng 15/03/2019; Lãi suất áp dụng 2.4% với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 61.047.000 đồng. Lãi, các khoản phí được tính theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.108.000 đồng.

Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/03/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 436438-7156; Hạn mức 55.000.000 đồng; Lãi suất áp dụng 2.4% với mục đích tiêu dùng cá nhân ký ngày 15/03/2019 giữa bà Trần Lê N với Ngân hàng TMCP S là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Lê N đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Lê N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/03/2024 là 179.942.927 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc: 61.981.005 đồng; Lãi quá hạn: 117.961.922 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận

[4] Bị đơn bà Trần Lê N phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 30/3/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Lê N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trần Lê N về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc bà Trần Lê N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ thẻ: Visa; Số thẻ: 436438-7156 tính đến ngày 29/03/2024 là 179.942.927 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc: 61.981.005 đồng; Lãi quá hạn : 117.961.922 đồng.

- Đồng thời, bà Trần Lê N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản lãi phát sinh từ ngày 30/3/2024 theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/03/2019 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Lê N phải chịu số tiền 8.997.146 đồng (tám triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 3.455.436 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu tiền số 0007372 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng